

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022

của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII

**“về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2045”**

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII “về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (gọi tắt là *Nghị quyết 19*); Kế hoạch số 09-KH/TW, ngày 23/8/2022 của Bộ Chính trị về triển khai Nghị quyết 19; từ tình hình của tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII ban hành Chương trình hành động thực hiện với các nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn¹, tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách và dành nguồn lực để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, tạo được luồng sinh khí mới, tạo bước phát triển mới trong nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện. Các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp được cơ cấu lại theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Trồng trọt phát triển theo hướng chuyên canh và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ, từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, canh tác tự nhiên gắn với liên doanh, liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ. Công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng được chú trọng². Chăn nuôi chuyển dần theo hướng trang trại tập trung, đảm bảo môi trường và an toàn dịch bệnh. Nuôi trồng thủy hải sản phát triển theo hướng thâm canh, đa dạng đối tượng và phương thức nuôi, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh khai thác xa bờ và phát triển mô hình liên kết giữa khai thác và tiêu thụ sản phẩm. Nhận thức, trình độ, kỹ năng của người nông dân từng bước được nâng lên; tư duy

¹ Tỉnh ủy khóa XIV đã ban hành Chương trình hành động số 72-CTHĐ/TU, ngày 31/12/2008 để tổ chức thực hiện

² Độ che phủ rừng tăng lên 50% năm 2021 (so với 45,4% năm 2008)

sản xuất kinh doanh nông nghiệp đã có sự đổi mới, dần thích ứng với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn tiếp tục được đầu tư, diện mạo nông thôn ngày càng khang trang. Các loại hình dịch vụ ở nông thôn ngày càng được đa dạng và nâng cao về chất lượng phục vụ; hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác được nâng lên³. Xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều kết quả quan trọng⁴; đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn được cải thiện⁵; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn giảm xuống còn 7,42%⁶; bản sắc văn hóa dân tộc tiếp tục được giữ gìn, phát huy; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn được giữ vững.

Tuy nhiên, nông nghiệp phát triển chưa thực sự bền vững, năng suất lao động còn thấp; hợp tác, liên kết theo chuỗi chưa nhiều. Việc duy trì và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế chưa bền vững, chưa tạo được nhiều thương hiệu sản phẩm có chất lượng cao. Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp thiếu đồng bộ; công nghiệp chế biến và dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp còn hạn chế. Chất lượng hoạt động của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa cao. Thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn cao. Xây dựng nông thôn mới chưa vững chắc, còn có sự chênh lệch giữa các vùng miền. Ô nhiễm môi trường nông thôn còn xảy ra ở nhiều nơi, nhất là ở một số làng nghề, cơ sở sản xuất, chăn nuôi.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do: Sản xuất nông nghiệp thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, gây thiệt hại đến năng suất, sản lượng cây trồng và vật nuôi. Nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là đầu tư cơ sở hạ tầng. Một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa phát huy hiệu quả. Một bộ phận doanh nghiệp, hộ gia đình chưa dám mạnh dạn đầu tư vào sản xuất nông nghiệp. Một số địa phương chưa chú trọng công tác quy hoạch, liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nhằm đảm bảo đầu ra ổn định cho sản phẩm nông nghiệp.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm: Cùng với tập trung quán triệt đầy đủ, sâu sắc 5 quan điểm được xác định tại Nghị quyết 19, cần bám sát các nội dung cụ thể sau:

- Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ chính trị trọng tâm,

³ Hiện có 52 HTX được công nhận Hợp tác xã kiểu mới.

⁴ Đến cuối năm 2021, toàn tỉnh có 63/101 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tiêu chí bình quân đạt 16,1 tiêu chí/xã, có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2019-2020, có 01 huyện được công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới và không còn huyện không có xã đạt chuẩn nông thôn mới.

⁵ Thu nhập bình quân đầu người năm 2021 tăng gấp 4,4 lần so với năm 2008.

⁶ Bình quân giai đoạn 2011-2015 giảm 2,95%/năm; giai đoạn 2016-2020 giảm 2,19%/năm.

thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; phải tiếp tục ưu tiên nguồn lực để đầu tư đảm bảo phát triển hài hòa giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, miền và địa phương; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình đô thị hóa theo hướng “*nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*”.

- Nông dân là chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Mục tiêu cao nhất trong phát triển nông nghiệp, nông thôn là nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn. Xây dựng người dân nông thôn có tư duy đổi mới, nâng cao khả năng sản xuất và quản trị sản xuất; thực sự là chủ thể sáng tạo trong phát triển kinh tế và đóng góp xây dựng cộng đồng.

- Nông nghiệp là bộ đỡ của nền kinh tế; phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhân rộng các mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tạo ra nhiều thương hiệu sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả và bền vững; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, môi trường xanh, sạch, đẹp, đời sống văn hoá lành mạnh, giữ gìn tình làng nghĩa xóm và bản sắc văn hóa dân tộc; nghiên cứu xây dựng mô hình làng sinh ở cả ba vùng đồng bằng, trung du, miền núi để rút kinh nghiệm, nhân rộng. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội nông thôn cần chú trọng phát triển hài hòa, đồng bộ cả nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, gắn với cơ cấu lại lao động, tạo sinh kế, việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho người dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống của người dân nông thôn là trách nhiệm, nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị; đề cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện xã hội, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp và xây dựng

nông thôn. Nông nghiệp phát triển hiệu quả, bền vững, đảm bảo an ninh lương thực và đáp ứng nhu cầu của thị trường trong tỉnh. Nông thôn phát triển toàn diện, tương đồng giữa các vùng, miền, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, môi trường xanh, sạch, đẹp, đời sống văn hoá lành mạnh, giữ gìn tình làng nghĩa xóm và bản sắc văn hóa dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2021- 2025 từ 3 - 3,5%; giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 2,5 - 3%.

- Có thêm 05 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 01 huyện nông thôn mới nâng cao, 01 huyện nông thôn mới kiểu mẫu; có 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 tăng gấp 2 - 2,5 lần so với năm 2020.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85 - 90%, trong đó tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 70%; Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%.

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân hàng năm từ 1- 1,5%.

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 98%. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn đạt 80%.

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 49%.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2045

Tỉnh có nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao; các ngành công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản hiện đại và tạo “đầu ra” ổn định cho nhiều sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Người dân nông thôn văn minh, có thu nhập cao. Nông thôn hiện đại, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị, người dân nông thôn có cuộc sống văn minh, có thu nhập cao; giàu bản sắc văn hoá dân tộc; quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 04/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Kết luận số 168-KL/TU, ngày 04/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII về tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; đồng thời, thực hiện tốt các nhóm nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, kỹ năng làm việc cho nông dân và cư dân nông thôn; nâng cao ý thức làm giàu từ nông nghiệp, nông thôn; đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang làm việc ở khu vực công nghiệp, dịch vụ; thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ nông dân và cư dân nông thôn tiếp cận các nguồn lực, ứng dụng công nghệ để đổi mới, sáng tạo trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, tạo sinh kế, việc làm ổn định, nâng cao thu nhập, khởi nghiệp và phát triển sản xuất kinh doanh, thu hút lao động có trình độ cao về làm việc ở nông thôn, chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị.

Tăng cường phát huy quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*"; nâng cao chất lượng các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao, dân số, bình đẳng giới; bảo đảm người dân tiếp cận các cơ hội phát triển, dịch vụ cơ bản nông thôn.

Phát huy vai trò của Hội nông dân, Liên minh Hợp tác xã và các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp luật, kiến thức sản xuất kinh doanh, khoa học công nghệ. Xây dựng cộng đồng dân cư ở nông thôn hiện đại, dân chủ, công bằng, văn minh để người dân thực sự đóng vai trò chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển.

2. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng thực chất, hiệu quả, phát huy tiềm năng lợi thế của từng vùng, miền, địa phương. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai. Phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng chuyên canh, tập trung, quy mô lớn, có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp tạo nhiều việc làm, thu nhập cho người nông dân.

Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn phù hợp, hiệu quả. Phát triển mạnh công nghiệp sản xuất giống cây trồng và vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, bảo tồn và phát triển giống bản địa có giá trị cao; có cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển các doanh nghiệp khoa học công nghệ, các cơ sở nghiên cứu, chọn, tạo giống, nâng cao năng lực tự chủ trong sản xuất thức ăn chăn nuôi. Xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, khuyến khích sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hữu cơ.

Thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp trên các lĩnh vực và trong từng lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp theo tinh thần của Kết luận số 168-KL/TU, ngày 04/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII đã xác định.

3. Tổ chức thực hiện hiệu quả quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn

Tập trung xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp và dịch vụ. Phát triển mạnh công nghiệp ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản; ưu tiên các ngành, các dự án thu hút nhiều lao động, giải quyết việc làm tại chỗ.

Tiếp tục đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp, dịch vụ, hình thành đồng bộ mạng lưới lưu thông, bảo quản, chế biến, logistics, thương mại điện tử ở nông thôn. Rà soát quy hoạch mạng lưới chợ, chợ đầu mối; nâng cấp hệ thống chợ nông thôn đáp ứng nhu cầu của người dân. Phát huy vai trò của các hiệp hội ngành hàng trong liên kết sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản.

Thực hiện tốt công tác bảo tồn, phát triển các ngành nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh phát triển dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp; xây dựng vùng nguyên liệu đạt chuẩn. Tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển du lịch nông thôn, trong đó chú trọng phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái; đẩy mạnh thực hiện hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

4. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá

Bám sát và triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 04/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị để xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân. Bảo đảm duy trì và phát triển vững chắc kết quả xây dựng nông thôn mới của các địa phương đã đạt chuẩn, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản.

Huy động mạnh mẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh hình thức đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP), nhất là đối với khu vực miền núi, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn nhà nước từ các chương trình mục tiêu quốc gia. Tập trung đầu tư xây dựng nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn, trong đó chú trọng tiêu chí nâng cao thu nhập; đẩy mạnh phong trào

thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới đi vào thực chất với các hoạt động thiết thực, cụ thể ở nông thôn, gắn với công tác đỡ đầu, phụ trách, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới.

5. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Chỉ đạo kịp thời cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đảm bảo bố trí đủ nguồn ngân sách để thực hiện các cơ chế, chính sách của tỉnh ban hành, tăng đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 cho nông nghiệp, nông thôn ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011 - 2020. Tiếp tục rà soát, ban hành bổ sung, điều chỉnh các cơ chế, chính sách của địa phương phù hợp với tình hình thực tiễn và định hướng phát triển chung của đất nước trong giai đoạn mới. Chú trọng nghiên cứu, đề xuất các chính sách tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình tiếp cận tối đa nguồn vốn tín dụng để thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm; thúc đẩy tích tụ, tập trung đất đai phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung, đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ; hỗ trợ khuyến khích, thu hút doanh nghiệp, kinh tế tư nhân liên doanh liên kết, phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp; triển khai thí điểm Bảo hiểm nông nghiệp để rút kinh nghiệm, nhân rộng, góp phần giảm thiểu rủi ro cho nông dân.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, nhất là các chính sách tín dụng ưu đãi về giải quyết việc làm, phát triển sản xuất, chuyển đổi ngành nghề ở nông thôn. Phát huy vai trò của Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong cung cấp tín dụng đối với các hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp, nhất là với hộ nghèo và các đối tượng chính sách; ngăn chặn, xử lý nghiêm tín dụng đen.

Nghiên cứu, rà soát, bổ sung hoàn thiện hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách của địa phương phù hợp với tình hình thực tiễn, hỗ trợ phát triển kinh tế nông hộ.

Tiếp tục sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động, xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng trong quản lý đất đai của các công ty nông, lâm nghiệp.

6. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình khoa học công nghệ, chương trình chuyển đổi số trong phục vụ xây dựng nông thôn mới hướng tới nông thôn mới thông minh. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về nông nghiệp, nông dân, nông thôn để liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo, áp dụng khoa học công nghệ tạo đột phá về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chú trọng phát triển

kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, ứng dụng chuyển đổi số trong truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, kiểm soát an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chủ lực của địa phương.

Hỗ trợ hình thành các vườn ươm công nghệ, trung tâm khởi nghiệp, quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo, các doanh nghiệp khởi nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các viện, trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân trong ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ; khuyến khích, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân từng bước tiếp cận ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh và kết nối cung - cầu. Đổi mới công tác khuyến nông, khuyến công theo hướng kết hợp giữa nhà nước với doanh nghiệp và nông dân; ưu tiên hỗ trợ sản xuất theo chuỗi giá trị, các sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh của các địa phương.

Thực hiện đổi mới toàn diện về hình thức tổ chức và nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao năng suất lao động, đáp ứng nhu cầu thị trường, doanh nghiệp, yêu cầu của tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn. Mở rộng quy mô đào tạo trên tất cả các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; đa dạng ngành nghề đào tạo về kỹ thuật sản xuất, thị trường, quản trị...; khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức tư nhân tham gia đào tạo nghề, phát triển thị trường lao động. Từng bước hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có đủ trình độ, kỹ năng nghề, nhất là lực lượng lao động trẻ ở nông thôn.

7. Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai

Thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng xanh; khuyến khích phát triển nông nghiệp tuần hoàn. Chống sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, thoái hoá đất. Đẩy mạnh công tác trồng và bảo vệ rừng; bảo vệ, phát triển bền vững nguồn lợi thủy, hải sản. Bảo đảm an ninh, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn nước; tập trung nguồn lực đầu tư xử lý nước thải, chất thải rắn, trước hết là tại các làng nghề, cụm công nghiệp, dịch vụ, khu xử lý rác tập trung.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu. Chủ động xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó với thiên tai; lồng ghép các nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương. Ưu tiên nguồn lực đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng nâng cao năng lực chống chịu, thích ứng an toàn trước thiên tai. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu. Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường.

8. Tích cực chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ

Chú trọng phát triển thị trường, thương hiệu nông sản chủ lực của tỉnh, giữ ổn định các thị trường đã có, phát triển thị trường trong nước và từng bước gia nhập thị trường xuất khẩu. Tích cực tổ chức và tham gia các hội chợ sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề để giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, đưa sản phẩm lên sàn giao dịch thương mại điện tử.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nguồn tài trợ của Trung ương, các tổ chức và cá nhân cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; kêu gọi, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước về lĩnh vực nông nghiệp; khuyến khích chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến (như công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm); đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn.

Mở rộng các mối quan hệ hợp tác quốc tế trong khu vực và các thị trường lớn, tiềm năng như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Châu Âu,... để tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, ô nhiễm môi trường xuyên biên giới.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn

Tăng cường vai trò của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chính sách, mục tiêu của tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đổi mới tư duy lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ các cấp; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, phân định trách nhiệm cụ thể giữa các sở, ngành với các địa phương. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngành nông nghiệp và cán bộ cơ sở có đủ năng lực, phẩm chất đảm bảo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Coi trọng phát triển đảng viên khu vực nông thôn. Phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Biểu dương và phổ biến, nhân rộng những cách làm hay, mô hình tốt trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới gắn với công tác thi đua, khen thưởng, kịp thời động viên, khuyến khích cán bộ, người dân, cộng đồng dân cư dám nghĩ, dám làm, đổi mới sáng tạo, tích cực tham gia phong trào phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Phát huy vai trò chủ thể của người dân ở cơ sở, tạo điều kiện để người dân tích cực tham gia các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tham gia các hoạt động xây dựng nông thôn mới. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức cộng đồng dân cư tham gia phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của nông dân; chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho nông dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp quán triệt Nghị quyết 19 và Chương trình hành động này đến tận cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và tuyên truyền phổ biến rộng rãi trong quần chúng nhân dân; đồng thời, xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, bổ sung, điều chỉnh và ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp để triển khai thực hiện Chương trình hành động; tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động

3. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện Chương trình hành động; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo.

4. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết 19 và Chương trình hành động này; kịp thời phát hiện cách làm hay, nhân tố mới để nhân rộng; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư TW Đảng (*báo cáo*),
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương, Bộ NN&PTNT,
- Vụ địa phương tại Đà Nẵng,
- Đảng ủy Quân khu 4,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
- Các Ban đảng và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, tổ chức CT-XH cấp tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Lê Quang Tùng